

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Xuyên,
huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ xây dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29/04/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 định hướng đến năm 2070;

Căn cứ Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 24/09/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Hoàng Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Xuyên, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030;

Căn cứ văn bản tham gia ý kiến của các ngành tại: Văn bản số 3266/SXD-QH ngày 25/05/2023 của Sở xây dựng; Văn bản số 2105/SNN&PTNT-KHTC ngày 08/05/2023 của Sở nông nghiệp và PTNT; Văn bản số 2505/SGTVT-KHTC ngày 06/05/2023 của Sở Giao thông vận tải; Văn bản số 1940/SVHTTDL-XDNSVHGĐ ngày 26/04/2023 của sở Văn hóa, thể thao – du lịch về việc tham gia ý kiến đồ án

quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Xuyên huyện Hoàng Hóa đến năm 2030.

Xét đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 226/TĐ-KTHT ngày 15/6/2023 (Kèm theo Tờ trình số của UBND xã Hoàng Xuyên).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Xuyên, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030, gồm những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Xuyên, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030.

1.2. Vị trí, phạm vi ranh giới.

Phạm vi ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Hoàng Xuyên, huyện Hoàng Hóa. Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp xã Hoàng Sơn huyện Hoàng Hóa, xã Thuận Lộc huyện Hậu Lộc;
- Phía Nam giáp xã Hoàng Đức, Hoàng Cát huyện Hoàng Hóa;
- Phía Tây giáp xã Hoàng Quý, xã Hoàng Quỳnh huyện Hoàng Hóa;
- Phía Đông giáp xã Hoàng Đạt huyện Hoàng Hóa.

1.3. Quy mô diện tích lập quy hoạch: 605,75ha

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã.

2.1. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 1481/QĐ-UBND ngày 29/04/2020 về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 định hướng đến năm 2070; số 3731/QĐ-UBND ngày 24/09/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Hoàng Hóa.

- Cụ thể hóa Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Xuyên, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030.

2.2. Tính chất, chức năng của xã.

Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Xuyên là quy hoạch xây dựng nông thôn. Chức năng là trọng điểm về sản xuất nông nghiệp của huyện (lúa, rau an toàn...), phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề (da giày, may mặc...), nông nghiệp an toàn và chất lượng cao, thủy sản.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

3.1. Quy mô dân số, lao động.

- Dân số hiện trạng: 6.291 người.
- Quy mô dân số dự báo giai đoạn 2020 – 2030, như sau:
 - + Đến năm 2025: khoảng 7.330 người
 - + Đến năm 2030: khoảng 8.875 người
- Quy mô lao động (ước tính 60% – 70% dân số), tương ứng:
 - + Lao động đến năm 2025: 4.545 người.
 - + Lao động đến năm 2030: 5.769 người.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

3.2.1. Về sử dụng đất:

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng. Áp dụng các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Điểm dân cư nông thôn:
- Điểm dân cư nông thôn:
- + Đất xây dựng nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$;
- + Đất xây dựng công trình công cộng và dịch vụ: $\geq 5\text{ m}^2/\text{người}$;
- + Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;
- + Đất cây xanh công cộng: $\geq 2\text{ m}^2/\text{người}$;

(Chỉ tiêu đất xây dựng trên không bao gồm đất bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp tỉnh, huyện)

3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp nước sinh hoạt: 60-80 lít/người/ngày-đêm;
- Cấp điện sinh hoạt: $\geq 150\text{W}/\text{người}/\text{ngày}/\text{đêm}$; Chiếu sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$;
- Nước thải sinh hoạt: $\geq 80\%$ lượng nước cấp;
- Chất thải rắn sinh hoạt: 0,9kg rác/người/ngày/đêm.

4. Phân khu chức năng.

- Khu trung tâm xã.
- Tổ chức hệ thống công trình công cộng.
- Hệ thống các khu dân cư mới và cải tạo.
- Tổ chức các khu vực sản xuất.
- Các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng

5. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã.

5.1. Khu trung tâm xã

Khu trung tâm của xã hiện nay đã hình thành và xây dựng tại thôn Thần Xuân (xã Hoàng Khê cũ). Giai đoạn đầu giữ nguyên tại thôn Thần Xuân. Giai đoạn đến năm 2030 huy động nguồn lực (Nhà nước và nhân dân cùng làm; kêu gọi đầu tư để dịch chuyển dần về thôn Đoài Thôn dọc phía Tây QL10, giao nhau 2 bên đường Qùy Xuyên tạo thành khu trung tâm xã mới với các công trình hành chính, công cộng; dịch vụ tạo thành khu vực trung tâm tập trung của toàn xã: Công sở xã, nhà văn hóa, sân thể thao, trụ sở công an xã, nhà trực dân quân xã, thương mại dịch vụ.... kết hợp khu công viên cây xanh. Quy mô phát triển khu trung tâm xã khoảng: 30,0ha.

5.2. Định hướng tổ chức công trình công cộng.

+ Vị trí 1: Giữ nguyên vị trí tại thôn Thần Xuân, với diện tích khuôn viên 0,27ha.

+ Vị trí 2: Giữ nguyên vị trí tại thôn Long Bình, với diện tích khuôn viên 0,28ha.

+ Vị trí 3: Quy hoạch mới công sở xã thôn Đoài Thôn diện tích 0,90ha. Mật độ xây dựng $\leq 40\%$;

5.2.2. Khu trung tâm văn hóa- thể thao xã.

a. Trung tâm văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí hiện tại diện tích 0,12ha. Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 1-3 tầng.

b. Khu thể thao xã: Giữ nguyên vị trí tại thôn Long Bình với diện tích 0,83ha.

c. Sân vận động xã: Quy hoạch mới sân vận động xã tại thôn Đoàn Thôn với diện tích 1,50ha

5.2.3. Nhà văn hóa – sân thể thao thôn.

a. Nhà văn hóa thôn.

- Nhà văn hóa thôn Phú Địch:

+ Vị trí 1(NVH thôn 1 cũ): Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,03ha.

+ Vị trí 2: Quy hoạch mới với diện tích 0,10ha.

- Nhà văn hóa thôn Tây Đại:

+ Vị trí 1 (NVH hiện trạng): Giữ nguyên vị trí với diện tích 0,02ha.

+ Vị trí 2: Quy hoạch mới với diện tích 0,08ha.

- Nhà văn hóa thôn Thần Xuân

+ Vị trí 1: Giữ nguyên vị trí hiện tại (NVH thôn 5) cũ với diện tích 0,03ha.

+ Vị trí 2: Quy hoạch mới NVH thôn Thần Xuân với diện tích 0,09ha.

- Nhà văn hóa thôn Thượng Đại: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,02ha. Mở rộng diện tích 0,06ha. Diện tích sau khi mở rộng là 0,08ha.

- Nhà văn hóa thôn Đoàn Thôn: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,09ha.

- Nhà văn hóa thôn Đông Thôn:

+ Vị trí 1: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,04ha.

+ Vị trí 2: Quy hoạch mới NVH thôn Đông Thôn với diện tích 0,07ha.

- Nhà văn hóa thôn Thanh Bình: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,06ha.

- Nhà văn hóa thôn Long Bình:

+ Vị trí 1(NVH thôn Nga Bình cũ): Giữ nguyên vị trí hiện tại diện tích 0,03ha.

+ Vị trí 2 (NVH thôn Nam Long cũ): Giữ nguyên vị trí hiện tại diện tích 0,04ha.

+ Vị trí 3: Quy hoạch mới NVH thôn Long Bình với diện tích 0,22ha

- Nhà văn hóa thôn Long Xuân:

+Vị trí 1 (NVH Bắc Long cũ): Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,06ha

+Vị trí 2 (NVH Yên Xuân cũ): Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,06ha.

- Nhà văn hóa thôn Trung Tiến:

+ Vị trí 1(NVH thôn Mỹ Tiến): Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,03ha.

+ Vị trí 2 (NVH thôn Trung Tuyết): Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,02ha.

+ Vị trí 3: Quy hoạch mới NVH thôn Long Xuân với diện tích 0,05ha.

b. Khu thể thao thôn

- Quy hoạch khu thể thao thôn Phú Địch diện tích: 0,15ha
- Quy hoạch khu thể thao thôn Tây Đại diện tích: 0,20ha
- Quy hoạch khu thể thao thôn Thượng Đại diện tích: 0,10ha
- Quy hoạch khu thể thao thôn Đoàn Thôn diện tích: 0,10ha
- Quy hoạch khu thể thao thôn Đông Thôn diện tích: 0,12ha
- Quy hoạch khu thể thao thôn Thanh Bình diện tích: 0,10ha
- Quy hoạch khu thể thao thôn Long Xuân diện tích: 0,10ha
- Quy hoạch khu thể thao thôn Trung Tiến diện tích: 0,20ha
- Sân thể thao thôn Thần Xuân: Sử dụng Sân vận động xã (Hoàng Khê cũ) diện tích 0,50ha

5.2.4. Công trình y tế: Quy hoạch trạm y tế xã tại thôn Đoàn Thôn diện tích 0,18ha.

5.2.5. Công trình giáo dục.

a. Trường Mầm non xã Hoàng Xuyên 1 (Hoàng Xuyên cũ): Giữ nguyên vị trí tại thôn Long Bình với diện tích 0,22ha. Mở rộng trường diện tích 0,28ha. Diện tích sau khi mở rộng 0,50ha.

b. Trường tiểu học xã Hoàng Xuyên 1 (Hoàng Xuyên cũ): Giữ nguyên vị trí tại thôn Long Bình với diện tích 0,36ha.

c. Trường trung học cơ sở xã Hoàng Xuyên 1 (Hoàng Xuyên cũ): Giữ nguyên vị trí tại thôn Long Bình với diện tích 0,32ha. Mở rộng trường diện tích 0,30ha. Diện tích sau khi mở rộng 0,62ha.

d. Trường Mầm non xã Hoàng Xuyên 2 (Hoàng Khê cũ): Giữ nguyên vị trí tại thôn Tây Đại với diện tích 0,19ha.

e. Trường tiểu học xã Hoàng Xuyên 2 (Hoàng Khê cũ): Giữ nguyên vị trí tại thôn Thượng Đại với diện tích 0,36ha.

f. Trường trung học cơ sở xã Hoàng Xuyên 2 (Hoàng Khê cũ): Giữ nguyên vị trí tại thôn Thần Xuân với diện tích 0,36ha.

5.2.6. Điểm bưu điện văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí hiện tại ở thôn Tây Đại với diện tích 0,02ha.

5.2.7. Đất an ninh: Quy hoạch trụ sở công an xã với diện tích 0,12ha tại thôn Đoàn Thôn.

5.2.8. Đất quốc phòng: Quy hoạch Nhà trực dân quân cơ động xã với diện tích 0,12ha tại thôn Đoàn Thôn.

5.2.9. HTX dịch vụ nông nghiệp: Giữ nguyên trụ sở HTX dịch vụ nông nghiệp vị trí hiện tại thôn Thần Xuân diện tích 0,02ha.

5.2.10. Công trình tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền.

- Chùa Dù: Giữ nguyên hiện trạng thôn Tây Đại diện tích 0,55ha.
- Chùa Trắng: Giữ nguyên hiện trạng thôn Trung Tiến diện tích 0,12ha. Mở rộng chùa diện tích 1,10ha. Diện tích sau khi mở rộng là 1,22ha.
- Chùa Đậu: Giữ nguyên hiện trạng thôn Thượng Đại với diện tích 0,23ha.

5.2.11. Khu vui chơi giải trí công cộng, cây xanh.

- Khu vui chơi giải trí công cộng thôn Phú Địch với diện tích 0,11ha.
- Khu vui chơi giải trí công cộng thôn Đoàn Thôn với diện tích 0,20ha.

- Khu vui chơi giải trí công cộng thôn Đoài Thôn với diện tích 0,53ha.
- Khu vui chơi giải trí công cộng thôn Thần Xuân với diện tích 0,10ha.
- Khu vui chơi giải trí công cộng- Cây xanh thôn Đoài Thôn với diện tích 0,72ha.
- Khu vui chơi giải trí công cộng- Cây xanh thôn Long Xuân với diện tích 0,32ha.

5.2.12. Chợ nông thôn: Quy hoạch chợ nông thôn tại thôn Đoài Thôn với diện tích 1,39ha.

5.3. Định hướng tổ chức quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo.

- Giữ nguyên các khu dân cư hiện trạng tại 10 thôn: Phú Địch, Tây Đại, Thần Xuân, Thượng Đại, Đoài Thôn, Đông Thôn, Thanh Bình, Long Xuân, Long Bình, Trung Tiến. Cải tạo, chỉnh trang, đồng thời ban hành quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm với diện tích 55,68ha (Ký hiệu: DCHT-01 đến DCHT-112).

- Bố trí quỹ đất xây dựng các khu dân cư mới đến năm 2030 với diện tích 23,20ha (Ký hiệu: DCM-01 đến DCM-16).

5.4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất

5.4.1 Khu sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh việc tích tụ đất đai để tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng quy mô lớn, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến; tăng hiệu quả sản xuất.

- Diện tích vùng rau an toàn hiệu quả cao đã phát triển trên địa bàn xã. Định hướng hình thành vùng trồng rau tập trung theo tiêu chuẩn VietGap tại các xứ đồng sau: Cồn Đình, Vườn Ngoài thôn Trung Tiến diện tích 20,0ha

- Tiếp tục phát triển ngành thủy sản theo Nghị quyết số 15-NQ/HU ngày 20/11/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Hoằng Hóa. Đẩy mạnh tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ môi trường nước, nuôi thả thủy sản theo các hình thức an toàn; tổ chức các lớp chuyển giao kỹ thuật nuôi và phòng bệnh cho tôm, cá; tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế NTTS.

5.4.2. Khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

Quy hoạch KCN Phú Quý quy mô 500ha. Trong đó Hoằng Xuyên giành quỹ đất 87,0ha để bố trí KCN ở các thôn Phú Địch, Tây Đại, Thần Xuân, Thượng Đại .

5.4.3. Khu vực xây dựng chức năng khác.

- Khu thương mại dịch vụ thôn Tây Đại với diện tích 1,13ha
- Khu thương mại dịch vụ thôn Đoài Thôn diện tích 2,35ha.
- Khu chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn tại thôn Đoài Thôn với diện tích 1,30ha.

6. Quy hoạch sử dụng đất

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hoằng Hóa và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã. Sau khi điều tra thu thập, xử lý và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch chi tiết ngành, dự báo về nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã như sau:

Bảng 1: Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

STT	Mục đích sử dụng đất	Năm 2020		Năm 2025		Năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	605,75	100,00	605,05	100,00	605,05	100,00
1	Đất nông nghiệp	383,67	63,34	333,87	55,18	250,01	41,32
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	322,01	53,16	272,21	44,99	188,35	31,13
1.1	Đất trồng lúa	252,16	41,63	214,88	35,51	143,35	23,69
1.2	Đất trồng trọt khác	69,85	11,53	57,33	9,48	45,00	7,44
1.3	Đất lâm nghiệp						
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	56,26	9,29	56,26	9,30	56,26	9,30
1.5	Đất làm muối	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất nông nghiệp khác	5,40	0,89	5,40	0,89	5,40	0,89
2	Đất xây dựng	135,63	22,39	184,73	30,53	268,59	44,39
2.1	Đất ở tại nông thôn	55,68	9,19	66,87	11,05	78,88	13,04
2.2	Đất công cộng	4,14	0,68	4,58	0,76	7,45	1,23
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,51	0,25	4,08	0,67	6,06	1,00
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,79	0,13	1,89	0,31	1,89	0,31
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0,25	0,04	20,25	3,35	87,25	14,42
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng		-	-	-	-	-
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	-	-	3,59	0,59	3,59	0,59
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	55,01	9,08	64,98	10,74	64,98	10,74
2.8.1	Đất giao thông	48,96	8,08	56,14	9,28	56,14	9,28
2.8.2	Đất bãi thải, xử lý chất thải		-	0,30	0,05	0,30	0,05
2.8.3	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	6,05	1,00	8,84	1,46	8,84	1,46
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác			0,40	0,07	0,40	0,07
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	18,25	3,01	18,25	3,02	18,25	3,02
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất		-	-	-	-	-
2.10	Đất quốc phòng, an ninh			0,24	0,04	0,24	0,04
3	Đất khác	86,45	14,27	86,45	14,29	86,45	14,29
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	69,48	11,47	69,48	11,48	69,48	11,48
3.2	Đất chưa sử dụng	16,97	2,80	16,97	2,80	16,97	2,80

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối.

7.1. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

7.1.1. Hệ thống giao thông:

Hệ thống giao thông xã được chia 02 hệ thống: Giao thông đối ngoại và giao thông đối nội. Cụ thể:

a. Hệ thống giao thông đối ngoại

- *Đường Quốc lộ*: Nâng cấp, cải tạo đường Quốc lộ 10 qua xã với chiều dài 1,5km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Lòng đường: 12,0m, Đường gom, 7,5m x 2; Hè đường 5,0m x 2; Phân cách 3,0m x 2.

- *Đường Tỉnh lộ*: Quy hoạch mới tuyến Cầu Nguyệt Viên đi Đò Lèn, qua địa bàn xã với chiều dài 2,63km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Lòng đường 10,5m x 2; Đường gom 7,5m x 2; Hè đường 5,0m x 2; Phân cách 3,0m x 2 và 4,0m x 1. Lộ giới 56,0m.

- *Đường huyện*:

+ Nâng cấp, cải tạo đường Quỳnh - Xuyên qua xã với chiều dài 0,5km, đạt tiêu chuẩn đường Đô Thị. Lòng đường: 8,0m, Hè đường: 5,0m x 2; Phân cách: 3,0mx1. Lộ giới: 47,0m.

+ Nâng cấp, cải tạo tuyến Hoàng Trinh – Hoàng Cát (ký hiệu ĐH-HH.05) qua xã với chiều dài 0,41km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV. Lòng đường: 17,5m; Hè đường 5,0m x 2. Lộ giới: 27,5m.

+ Nâng cấp, cải tạo đường Quý Khê (ký hiệu ĐH-HH.07) qua xã với chiều dài 0,8km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV. Lòng đường: 17,5m, Hè đường 5,0m x 2. Lộ giới: 27,5m.

+ Quy hoạch mới tuyến đường P1 (KCN Phú Quý) qua địa bàn xã với chiều dài 0,69km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Lòng đường 11,5m x 2; Hành lang giao thông 10,m x 2 và 23,0m x 1. Lộ giới 66,0m.

+ Quy hoạch mới tuyến đường từ QL 10 đến xã Hoàng Đạt, với chiều dài qua địa bàn xã 2,55km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV. Lòng đường: 7,5m x 2; Hè đường 5,0m x 2; Phân cách 2,0m x 1. Lộ giới 27,0m.

- *Đường đê*:

+ Cải tạo, nâng cấp tuyến Đê Hữu Lạch Trường Qua địa bàn xã với chiều dài 6,0km, đạt tiêu chuẩn đê cấp II. Hành lang giao thông 5,0m – 25,0m.

b. Hệ thống giao thông nội:

- *Đường trục xã, liên xã*:

+ Nâng cấp, cải tạo 02 tuyến hiện trạng (ký hiệu ĐTX.HX.01 và ĐTX.HX.06), đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp A. Lòng đường 7,5m; Lề đường: 1,5m x 2. Lộ giới: 10,5m.

+ Nâng cấp, cải tạo 02 tuyến hiện trạng (ký hiệu ĐTX.HX.02 và ĐTX.HX.05), đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp VI. Lòng đường 7,5m; Hè đường 5,0m x 2. Lộ giới 17,5m.

+ Quy hoạch mới 02 tuyến (ký hiệu ĐTX.HX.02 và ĐTX.HX.05), đạt tiêu chuẩn đường cấp VI. Lòng đường 7,5m; Hè đường 5,0m x 2. Lộ giới 17,5m.

+ Quy hoạch mới 01 tuyến (ký hiệu ĐTX.HX.07), đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp A. Lòng đường 7,5m; Lề đường: 1,5m x 2. Lộ giới: 10,5m.

- Tuyến đường trục thôn: Gồm 32 tuyến, với tổng chiều dài 9,2km

+ 28 tuyến (Ký hiệu: ĐTT-HX.01 - ĐTT-HX.10; ĐTT-HX.12 – ĐTT-HX.17; ĐTT-HX.20 – ĐTT-HX.29; ĐTT-HX.31, ĐTT-HX.32); đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp A. Lòng đường: 3,5m; Lề đường: 1,5mx2; Lộ giới: 6,5m.

+ 03 tuyến (ký hiệu ĐTT-HX.11, ĐTT-HX.19, ĐTT-HX.30), đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp A. Lòng đường 7,5m; lề đường 1,5m x 2. Lộ giới 10,5m.

+ 01 tuyến (ký hiệu ĐTT-HX.18), đạt tiêu chuẩn đường cấp VI. Lòng đường 7,5m; Hè đường 5,0m x 2. Lộ giới 17,5m.

- Tuyến đường ngõ xóm: Gồm 26 tuyến với tổng chiều dài 3,2km (Ký hiệu ĐNX-HX.01 đến ĐNX-HX.26). Đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp B. Mặt đường: 3,5m; Lề gia cố: 0,75mx2; Lộ giới: 5,0m

7.1.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

- Cao độ các khu vực dân cư hiện trạng được giữ nguyên, các khu dân cư mới, cốt nền xây dựng phải phù hợp với hiện trạng. Khi thiết kế nâng cốt nền cần xem xét và nghiên cứu đến khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng cục bộ cho các khu hiện trạng. Đối với các khu nông nghiệp sản xuất, giữ nguyên độ cao nền để đảm bảo nhu cầu sản xuất.

- San nền cục bộ trong từng lô chức năng, hướng dốc nền ra các tuyến đường giao thông quy hoạch; Độ dốc san nền tuân thủ quy hoạch được duyệt đảm bảo cho nước mặt tự chảy.

- Thoát nước mặt: Tổng thể toàn xã được chia làm 03 tiểu vùng tiêu úng:

+ Tiểu vùng 1: Gồm diện tích thôn Phú Địch, Tây Đại, Thần Xuân, nước mưa được đổ vào sông Cẩm Lũ sau đó thoát ra đập Bộ Đầu

+ Tiểu vùng 2: Khu vực thôn Thượng Đại, Đoàn Thôn, Đông Thôn, Thanh Bình, Long Xuân, Long Bình, Trung Tiến. Nước mưa thoát ra sông Cẩm Lũ

+ Tiểu vùng 3: Vùng Ngoại đê, nước mưa được đổ ra sông Lạch Trường

7.1.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước.

a. Nhu cầu cấp nước

- Nước cấp trong phạm vi toàn xã bao gồm: nước dùng trong sinh hoạt, ăn uống cho người dân; nước dùng cho các công trình phục vụ công cộng như: Trường học, y tế, nhà văn hóa, trụ sở các cơ quan; nước dùng cho trang trại chăn nuôi, gia súc, gia cầm; nước dùng cho các cơ sở sản xuất chế biến nông sản và các công nghiệp khác.

b. Nguồn nước và mạng lưới đường ống.

- Nguồn nước sạch: Được lấy từ Nhà máy nước sạch Hoằng Hoá đến các hộ gia đình, công suất 5.000 (m³/ngđ)

- Mạng lưới đường ống: Xây dựng các tuyến ống truyền dẫn (D300 đến D500) và các tuyến phân phối (D100 đến D200) từ nhà máy nước Hậu Lộc chạy dọc theo các tuyến đường quy hoạch trong khu vực đảm bảo cấp nước cho xã theo định hướng hoạch chuyên ngành cấp nước đã được phê duyệt

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hoả đấu nối với đường ống cấp nước có đường kính \geq D100 mm và khoảng cách giữa các họng cứu hoả khoảng 100-150m.

c. Cấp nước:

- Năm 2020 trên địa bàn xã đã sử dụng nước sạch từ Nhà máy nước Hoằng Hóa công suất 5.000(m³/ngdem) được 50% tổng số hộ
- Năm 2025 trên địa bàn xã đã sử dụng nước sạch từ Nhà máy nước Hoằng Hóa công suất 5.000(m³/ngdem) được 75% tổng số hộ
- Năm 2030 trên địa bàn xã sử dụng nước sạch từ Nhà máy nước Hoằng Hóa công suất 5.000(m³/ngdem) được 100% tổng số hộ.

7.1.4. Hệ thống cấp điện

- Nhu cầu cấp điện toàn xã đến năm 2025 là 1.323KVA; Đến năm 2030 là 2.404KVA.
- Nguồn điện: Cấp cho xã được lấy từ lưới điện trung áp 10KV từ xã Hoằng Sơn và thị trấn Bút Sơn chạy qua
- Đường dây điện: Duy trì đi nổi theo cột điện, cải tạo và nâng cấp tuyến đường dây .
 - + Đường dây hạ thế 0,4KV với chiều dài 20,0m
 - + Đường dây trung thế 10KV với chiều dài 5,0km
- Trạm biến áp: Giữ nguyên 8 trạm biến áp tại các vị trí hiện tại với tổng công suất 1.790KVA và các tuyến đường dây tải điện hiện có. Nâng cấp công suất các trạm biến áp sau: TBA số 1 (thôn Phú Địch); TBA số 2 (thôn Tây Đại); TBA số 3 (thôn Đoài Thôn); TBA số 4 (thôn Thượng Đại); TBA số 5 (thôn Long Bình); TBA số 7 (thôn Long Xuân); TBA số 8 (thôn Trung Tiến) lên 320KVA. . Tổng công suất các trạm sau khi nâng cấp là 2.490KVA đảm bảo cho nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn đến năm 2030.

7.1.5. Hạ tầng viễn thông thụ động

Hiện tại trên địa bàn xã đã có 4 trạm phát sóng của các nhà mạng: Viettel, Vinaphone, Mobifone, Vietnam mobile. Các trạm phát sóng đã được đầu tư xây dựng kiên cố, phủ sóng toàn bộ các khu vực dân cư trên toàn xã, đường truyền ổn định, cơ bản đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng mạng viễn thông của nhân dân.

Trong thời gian tới, do nhu cầu sử dụng mạng viễn thông tăng đáng kể cùng với sự phát triển của công nghệ điện tử, cần nâng cấp và hoàn thiện hệ thống viễn thông để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho nhân dân.

Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:

- + Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;
- + Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;
- + Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;
- + Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

7.1.6. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a. Hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải đều chảy về rãnh có nắp đan chạy song song với đường giao thông và thu gom về khu xử lý nước thải.

- Nước thải đều chảy về rãnh có nắp đan chạy song song với đường giao thông và thu gom về khu xử lý nước thải.

- Quy hoạch trạm xử lý nước thải tập trung thôn Tây Đại diện tích 0,20ha; thôn Trung Tiến diện tích 0,20ha

- Tỷ lệ thu gom xử lý nước thải giai đoạn nay tới 2025 là 80%, giai đoạn 2030 là 90%.

b. Hệ thống rác thải, chất thải

- Quy hoạch bãi trung chuyển rác thải thôn Trung Tiến diện tích 0,30ha.

- Theo Điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 3407/QĐ-UBND ngày 08/9/2016. Cụ thể như sau:

- + Rác thải sinh hoạt: được thu gom và xử lý tại điểm xử lý rác thải Cồn Mí xã Hoàng Đức.

- + Rác thải y tế: Được thu gom và vận chuyển xử lý tại bệnh viện Đa Khoa Hậu Lộc

c. Quy hoạch nghĩa trang

- Trong giai đoạn quy hoạch các nghĩa trang hiện trạng của các thôn vẫn giữ lại, tiếp tục phục vụ nhu cầu an táng cho nhân dân.

- Về lâu dài các nghĩa trang nhỏ lẻ trong xã sẽ đóng cửa, đồng thời chỉnh trang, có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường.

- Trong giai đoạn đến năm 2030:

- Trước mắt trong giai đoạn quy hoạch các nghĩa trang hiện trạng của các thôn vẫn giữ lại, tiếp tục phục vụ nhu cầu an táng cho nhân dân.

- Trong giai đoạn ngắn hạn: Từng bước khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly, đảm bảo VSMT, di chuyển về nghĩa trang cấp xã.

- Trong giai đoạn đến năm 2030:

- + Nghĩa địa Cầu Đá: Giữ nguyên vị trí thôn Phú Định diện tích 0,18ha; mở rộng nghĩa địa diện tích 0,40ha. Diện tích sau khi mở rộng là: 0,58ha

- + Nghĩa địa Cả Chùa: Giữ nguyên vị trí thôn Tây Đại và Thần Xuân diện tích 0,53ha; mở rộng nghĩa địa diện tích 0,87ha. Diện tích sau khi mở rộng là: 1,40ha.

- + Nghĩa địa Cồn Găng: Giữ nguyên vị trí thôn Đoàn Thôn diện tích 0,70ha.

- + Nghĩa địa Đông Thôn: Giữ nguyên vị trí thôn Đoàn Thôn diện tích 1,80ha.

- + Nghĩa địa Bản Bù: Giữ nguyên vị trí thôn Long Xuân diện tích 2,0ha; mở rộng nghĩa địa diện tích 1,0ha. Diện tích sau khi mở rộng là: 3,0ha.

- + Quy hoạch nghĩa địa thôn Thượng Đại diện tích 0,52ha.

7.2. Công trình hạ tầng phục vụ sản xuất

a) Hệ thống giao thông nội đồng:

- Cơ bản giữ nguyên mạng lưới hệ thống giao thông nội đồng hiện có. Mở rộng nền đường và nâng cấp mặt đường các tuyến trục chính nội đồng đảm bảo đi lại và vận chuyển hàng hoá thuận tiện, đáp ứng tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Tuyến đường nội đồng: gồm 3 tuyến (Ký hiệu: ĐNĐ-HX.01 đến ĐNĐ-HX.03) với tổng chiều dài 1,34km. Chiều rộng nền đường: 5,0m. Mặt đường: 4,0m

b) Hệ thống thủy lợi:

- Quy hoạch chỉnh trang nạo vét, đắp bờ, khơi thông dòng chảy các hệ thống kênh mương nội đồng:

+ Nâng cấp tu bổ, xây mới lại hệ thống kênh mương chính do huyện quản lý với tổng chiều dài 2,0km

+ Nâng cấp kênh do xã quản lý với chiều dài: 6,05km.

8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn.

8.1. Các dự án hạ tầng kỹ thuật

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp các tuyến đường giao thông;
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi;
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp điện;
- Dự án xây dựng hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện trạng.

8.2. Các dự án hạ tầng xã hội

- Dự án xây dựng mới các công trình di tích, công trình tín ngưỡng .
- Dự án mở rộng sân vận động xã.
- Dự án đầu tư xây dựng mới các công trình: Công an xã, Ban chỉ huy; quân sự; Chợ

- Dự án đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn đối với các vị trí được xác định trong giai đoạn ngắn hạn

8.2. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

9. Tiến độ và giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã.

9.1. Tiến độ thực hiện.

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2025
- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2030.

9.2. Giải pháp tổ chức thực hiện

- UBND xã Hoàng Xuyên
+ Tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Xuyên, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030 để các tổ chức, cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát thực hiện.

+ Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và quy định hiện hành.

+ Cung cấp các thông tin quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư, xây dựng trên địa bàn xã.

+ Xây dựng kế hoạch cắm mốc chỉ giới quản lý các công trình hạ tầng thuộc địa phương để quản lý đúng quy hoạch phục vụ phát triển.

+ Vận động, tuyên truyền trong nhân dân thông hiểu và hưởng ứng thực hiện quy hoạch, cải tạo chỉnh trang khu dân cư, xây dựng nếp sống văn minh văn hóa để đạt tiêu chí nông thôn mới.

+ Thường xuyên rà soát và báo cáo UBND huyện (Phòng kinh tế và hạ tầng) về tiến độ, khối lượng và các vướng mắc nếu có trong công tác thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã theo năm.

- Các phòng, ban, ngành huyện và đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Hoàng Xuyên tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Hoàng Xuyên có trách nhiệm:

- Hoàn thiện hồ sơ, đóng dấu bản vẽ và lưu trữ hồ sơ theo quy định;
- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Xuyên, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Hoàng Xuyên tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng kinh tế và hạ tầng, phòng Tài nguyên Môi trường, phòng Tài Chính - Kế hoạch, Phòng NN&PTNT, thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và UBND xã Hoàng Xuyên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 3 QĐ (t/h);
- CT, các PCT UBND huyện (b/c);
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Hải